

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án: 252/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2017

Về việc: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Chính.

2. Bà Nguyễn Thị Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 428/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Tôn Minh T, sinh năm: 1985.(có mặt)

HKTT: phường B, TP.B, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Tú U, sinh năm: 1985.(có mặt)

HKTT: phường B, TP.B, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: phường Q, TP.B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, lời trình bày tại các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa của ông Trần Tôn Minh T thì ông và bà Nguyễn Ngọc Tú U xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn trên cơ sở cả hai tự nguyện.

Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra gây gổ cãi vã nhau. Do không thể hòa giải được nên từ năm 2014 ông và bà U sống ly thân cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà U để trả lại sự tự do cho nhau.

- Về con chung: Có 01 cháu tên Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/10/2009. Ly hôn ông đồng ý giao cháu T cho bà U nuôi dưỡng và ông sẽ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 8/2017 theo như yêu cầu của bà T.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Theo bản tự khai, lời trình bày tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa của bà Nguyễn Ngọc Tú U thì bà và ông T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn trên cơ sở cả hai tự nguyện.

Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã nhau. Hiện tại bà và ông T đã sống ly thân và bản thân bà cũng xác định vợ chồng không thể hòa giải hàn gắn, nhưng vì ông T không giải quyết rõ ràng với bà về vấn đề nợ chung của vợ chồng nên bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con cháu tên Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/10/2009. Nếu ly hôn thì bà xin được nuôi cháu T và yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 8/2017.

- Về tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Bà xác định quá trình chung sống bà và ông T có vay của chị H, bạn G, chú L, bé D và anh Nguyễn Văn C số tiền khoảng 400.000.000đ. Hiện tại do bà chưa thu thập được đầy đủ họ tên, địa chỉ của những người trên nên bà chưa thể cung cấp, vì vậy bà đề nghị tòa xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng qui định pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T; Về con chung giải quyết giao bà U nuôi dưỡng và ông T phải cấp dưỡng nuôi con với bà U mỗi tháng 2.000.000đ; Về tài sản chung ông T và bà U đều khai không có nên xác định không có; Về nợ chung tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này bà U có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà U xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn trên cơ sở cả hai tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua đơn xin ly hôn của ông T; qua bản tự khai, lời trình bày tại các biên bản hòa giải cũng như lời trình bày tại phiên tòa của ông T, bà U nhận thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà U đã thực sự trầm trọng. Bản thân bà U hiện tại cũng không nín

kéo mối quan hệ vợ chồng với ông T dựa trên tình cảm, bà U chỉ không đồng ý ly hôn vì ông T chưa giải quyết rõ ràng các khoản nợ mà khi còn chung sống cả hai đã cùng vay. Tại phiên tòa, ông T trước sau vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn vì xác định không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng với bà U nên nhận thấy nếu có tạo điều kiện về thời gian cho cả hai hòa giải cũng không đạt kết quả. Do vậy, căn cứ theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T, giải quyết cho ông T được ly hôn bà U.

[2]- Về con chung: Ông T và bà U xác định có 01 cháu tên Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/10/2009. Ly hôn bà Uyên xin được nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 8/2017. Ông T cũng đồng ý với yêu cầu của bà U nên căn cứ theo qui định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, giải quyết giao cháu T cho bà U nuôi dưỡng, ghi nhận việc ông T đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 8/2017. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]- Về tài sản chung: Ông T và bà U đều khai không có nên căn cứ theo qui định của pháp luật và ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, xác định cả hai không có tài sản chung.

[4]- Về nợ chung: Ông T khai không có, bà U khai quá trình chung sống bà U và ông T có vay của chị H, bạn G, chú L, bé D, anh Nguyễn Văn C số tiền khoảng 400.000.000đ. Do bà U không cung cấp họ tên, địa chỉ của những người trên nên căn cứ theo qui định của pháp luật, ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát, tách phần nợ chung giữa bà U và ông T để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này bà U có yêu cầu.

[5]- Về án phí: Ông T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng cho con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 39, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Trần Tôn Minh T. Ông Trần Tôn Minh T được ly hôn bà Nguyễn Ngọc Tú U.

- Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 19/10/2009 cho bà U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) kể từ tháng 8/2017. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được

cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này bà Uyên có yêu cầu.

Về án phí: Ông Trần Tôn Minh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng cho con theo định kỳ. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp tại biên lai thu số 3795 ngày 28/02/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, số tiền án phí ông T còn phải nộp là 300.000đ.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Ông T và bà U được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- VKS nhân dân TP B;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP B;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa